

Số:48 /QĐ -THCK

Cụ Khối, ngày 08 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CỤ KHỐI**

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ về phương án phân loại tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2022;*

*Căn cứ thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ vào Quyết định số 5299/QĐ – UBND ngày 18/12/2023 của UBND Quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và Dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của quận Long Biên;*

*Căn cứ các văn bản thu chi năm học 2024 - 2025 của các cấp;*

*Căn cứ vào Nghị quyết Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025;*

*Căn cứ nhiệm vụ của trường và tình hình thực tế thu chi tại đơn vị;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 tại Quyết định .../QĐ-THCK ngày 04/01/2024

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho năm học 2024-2025.

**Điều 3.** Các ông (bà) cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, trường Tiểu học Cự Khối có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc quy chế./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT quận: }
- Phòng TC-KH quận: } (để b/c);
- Kho bạc NN quận:
- Như Điều 3: (để t/h);
- Lưu: VT ( )

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Thị Bích Liên**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo QĐ số 48 /QĐ-THCK ngày 08/10/2024*

*của Hiệu trưởng trường Tiểu học Cự Khối )*

**I. Nội dung điều chỉnh**

1. Phần căn cứ xây dựng quy chế:

**Bỏ:**

*Căn cứ vào quy chế dân chủ năm học 2022 - 2023 đã được thông qua Hội nghị viên chức, người lao động trường TH Cự Khối;*

**Thay bằng và thêm 1 số công văn mới:**

*Căn cứ vào Quyết định số 3529/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2024 của UBND Quận Long Biên về việc điều chỉnh cắt giảm tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024 theo NQ số 119/NQ-CP ngày 7/8/2024 của chính phủ.*

*Căn cứ Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) của thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ văn bản số 2367/ UBND – KGVX ngày 19/7/2024 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND Thành phố;*

*Căn cứ công văn số 2999/SGD&ĐT-KHTC ngày 29/08/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tăng cường công tác quản lý thu chi năm học 2024 - 2025;*

*Căn cứ công văn số 1963/ UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 về việc Hướng dẫn quản lý thu chi và quản lý tài chính năm học 2024 - 2025;*

*Căn cứ công văn số 1967/ UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện các khoản thu khác của các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn quận Long Biên năm học 2024 – 2025;*

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội nghị viên chức, người lao động năm học 2024 - 2025 đã được thông qua ngày 05/10/2024.

**CHƯƠNG III: CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC VÀ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU NỘI BỘ TRONG PHẠM VI KINH PHÍ NSNN CẤP HÀNG NĂM**

**Mục 13. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn:**

- Thêm: Thuê giáo viên hợp đồng thỉnh giảng (tiết dạy): 60.000đ/ tiết

**CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ CHI TIÊU TÀI CHÍNH, TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC VÀ CHẾ ĐỘ CHI TIÊU NỘI BỘ TRONG PHẠM VI NGUỒN THU NGOÀI NGÂN SÁCH.**

**A. Các khoản thu, chi theo NQ03/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội**

**I. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi hỗ trợ văn hóa**

\* **Phần thu: 120 000 đ/hs/tháng.**

Dự kiến số HS tham gia: 1015 HS x 120.000đ/hs/th = 121.800.000đ

\* **Phần chi:**

TT	Nội dung	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%:</b>	<b>2.436.000đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %</b>	<b>119.364.000đ</b>
<b>I</b>	Chi GVCN, GVBM, GVDT trực tiếp tham gia giảng dạy: 70% (của phần 98%)	83.554.800đ
1	Chi GVCN: 10.000đ/hs x 1015HS	10.150.000đ
2	Còn lại chi GVCN, BM, DT (Đơn giá 1 tiết = Số tiền còn lại chia tổng số tiết GV thực dạy/tháng) GV thực dạy = Đơn giá 1 tiết x số tiết thực dạy/tháng	73.404.800đ
<b>II</b>	Chi quản lý, nhân viên phục vụ bán trú: 15% (của phần 98%)	17.904.600đ

III	Chi tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm văn phòng phẩm, đồ dùng dạy học, điện nước, vệ sinh, hỗ trợ các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động tập thể và các nội dung chi khác liên quan và phúc lợi tập thể. 15% (của phần 98%)	17.904.600đ
	<b>Tổng Cộng</b>	<b>121.800.000đ</b>

**II. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn thu phục vụ công tác bán trú theo Nghị quyết 03/HĐND**

**A. Tiền HS ăn bán trú :** Hợp đồng với công ty TNHH Thực phẩm Minh Thoa

Tiền ăn 1 bữa: Tháng 9/2024 đến tháng 5/2025: 32.000 đồng/1 HS (ăn bữa nào tính bữa đó). Bao gồm: 01 bữa chính + 01 bữa phụ

Chi 100% cho bữa ăn hàng ngày cho học sinh

**B. Tiền chăm sóc bán trú : 235.000đ/hs/tháng**

**1. Phần Thu: Dự kiến HS 694HS**

Tổng số tiền thu CSBT 1 tháng = 235.000đ/hs/th x 694 HS = **163.090.000đ**

**2. Phần chi**

TT	Nội dung	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%:</b>	<b>3.261.800đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %</b>	<b>159.828.200đ</b>
<b>I</b>	Chi các bộ phận trực tiếp tham gia: 80% (của phần 98%)	127.862.560đ
1	GVCN theo dõi sĩ số ăn hàng ngày: 10.000đ/hs	6.940.000đ
2	Chi Lao công, BV tham gia theo thực tế + giặt chăn	2.500.000đ
3	Chi GV, NV trực tiếp chăm sóc (16 phòng)	7.401.410đ
<b>II</b>	Chi quản lý, nhân viên phục vụ bán trú: 20% (của phần 98%)	31.965.640đ
1	Chi giám sát kiểm tra: Ban chấp hành công đoàn và TTND: - CTCĐ+TBTTND: 300.000đ/người (2 người)	1.800.000đ

	- Thành viên còn lại: 200.000đ/người (6 người)	
2	Còn lại Chi Quản lý ( HT, HP, KT, TQ)	30.165.640đ
	<b>Tổng Cộng (A + B)</b>	<b>163.090.000đ</b>

Số tiền chi các nội dung tăng giảm theo số lượng học sinh ăn bán trú hàng tháng.

### C. Tiền trang thiết bị đầu năm: 1300.000đ/hs/năm

1. **Thu:** dự kiến 133.000đ/hs/năm x 694 HS = 92.302.000đ

2. **Chi :** Xây dựng dự toán mua sắm trang bị cơ sở vật chất cho bán trú như sau:

+ Mua khăn (giấy ướt) lau miệng cho HS

+ Mua bô sung chăn, chiếu .....cho HS:

+ Mua bô sung gối, các thiết bị, vật dụng, dụng cụ phục vụ HS bán trú và các chi phí phát sinh khác liên quan.

### III. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn thu nước uống tinh khiết

#### \* Thu = chi

Tiền nước uống học sinh dùng để mua nước cho học sinh uống hàng ngày thu đủ chi – mức thu: 12.000đ/HS/tháng. Chi theo hóa đơn thực tế số bình nước sử dụng trong tháng. Việc chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính.

### IV. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn giáo dục kĩ năng sống

#### \* Phần Thu: Dự kiến HS 959 HS

Số tiền thu 1 tháng = 100.000 đ/1hs x 959 HS = 95.900.000đ

- 100% chi theo đề án hợp đồng hợp tác với nhà trường.

- Chương trình giáo dục KNS trích lại trường: 65 % (quy đổi 100%): = 95.900.000đ \* 65% = 62.335.000đ (trương đương với 65.000đ/hs)

#### \* Phần chi

TT	Nội dung	Số tiền
----	----------	---------

<b>I</b>	<b>Nộp Thuế 2%</b> = 1.300đ/hs x 959HS	<b>1.246.700đ</b>
<b>II</b>	<b>Còn lại : 63.700đ/hs x 959 HS ( quy đổi 100%)</b>	<b>61.088.300đ</b>
1	Chi GV trực tiếp tham gia 75% = 50.000đ/hs x 959HS	47.950.000đ
2	Chi công tác quản lý, nhân viên 20% = 11.000đ/hs x 959HS (Chi GVBM, NV: 100.000đ/th x 8 người)	10.549.000đ
4	Chi hỗ trợ điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp việc dạy và học, in ấn tài liệu 5%	2.589.000đ
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>62.335.000đ</b>

Số tiền chi các nội dung tăng giảm theo số lượng HS tham gia hàng tháng.

#### **V. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn giáo dục STEM**

##### **\* Phần Thu: Dự kiến HS 959 HS**

Số tiền thu 1 tháng = 60.000 đ/1hs x 959 HS = 57.540.000đ

- 100% chi theo đề án hợp đồng hợp tác với nhà trường.

- Chương trình giáo dục KNS trích lại trường: 67 % (quy đổi 100%): =  
57.540.000đ \* 67% = 38.551.800đ (trương đương với 40.200đ/hs)

##### **\* Phần chi**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>I</b>	<b>Nộp Thuế 2%</b> = 804đ/hs x 959hs	<b>771.036đ</b>
<b>II</b>	<b>Còn lại : 39.396đ/hs x 959 HS ( quy đổi 100%)</b>	<b>37.780.764đ</b>
1	Chi GV trực tiếp tham gia 70%: 27.500đ/hs x 959hs	26.372.500đ
2	Chi công tác quản lý, nhân viên, GVBM 25%: 10.000đ/hs x 959hs (Chi GVBM, NV: 100.000đ/th x 8 người)	7.672.000đ
4	Chi hỗ trợ điện, nước, vệ sinh, văn phòng phẩm, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp việc dạy và học, in ấn tài liệu...5%:	3.736.264đ
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>38.551.800đ</b>

Số tiền chi các nội dung tăng giảm theo số lượng HS tham gia hàng tháng.

## **B. Khoản thu chưa có trong NQ 03/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội thỏa thuận theo nhu cầu thực tế phục vụ học sinh**

### **I. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ trong phạm vi nguồn quỹ đội.**

Theo hướng dẫn chỉ đạo của Hội đồng đội Quận về kế hoạch thu – chi. Việc chi tiêu vẫn đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính, đảm bảo dân chủ, công khai và có báo cáo cụ thể về các khoản chi. Cụ thể như sau:

\* Mức thu: 2000đ/hs/tháng (thu 9 tháng)

Dự kiến số tiền thu được: 2.000đ/hs/thx 1015HS x 9 th = 18.270.000đ

\* **Mức chi:**

- Dự kiến chi cho hoạt động Đội thiếu niên và Nhi đồng trong nhà trường: tổ chức thực hiện các hoạt động Đội theo chương trình công tác Đội các cấp hướng dẫn;

- Bổ sung các thiết bị CSVC cho hoạt động Đội: trống, cờ, đồng phục đội nghi lễ; Mua sổ sách nghiệp vụ công tác, in ấn tài liệu báo cáo công tác Đội thiếu nhi...;

- Khen thưởng, biểu dương HS trong đợt sơ kết thi đua; Các hoạt động khác liên quan; Chi ủng hộ phòng truyền thống quận đoàn, hoạt động đợt xuất của Đội (nếu có).

### **II. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu trong phạm vi nguồn thu Tiếng Anh.**

#### **A. Chương trình Tiếng Anh liên kết Dream Sky chất lượng cao 100% GVNN (số tiền 550.000đ/HS/tháng )**

##### **1. Phần thu**

- Sĩ số HS khối 1 (gồm lớp 1A1,1A2,1A3,1A4) = 175 HS, số HS miễn giảm: 01 HS (Khôi Nguyên 1A3 – Con GV)

- Sĩ số HS khối 2 (gồm lớp 2A1,2A2,2A3) = 106 HS, số HS miễn giảm: 01 HS (Long – Không tiếp thu được)

- Sĩ số HS Khối 3 (gồm lớp 3A1,3A2, 3A3) = 108 HS, số HS miễn giảm: 01 HS (Yến lớp 3A3 – Con GV)



- Sĩ số HS Khối 4 (gồm lớp 4A1,4A2, 4A3) = 123 HS, số học sinh miễn giảm: 03 HS (Trà, Trung, Hằng lớp 4A3 – Con GV,NV)

Tổng số học sinh K1+K2 + K3 +K4 tham gia là 512 HS,

Số HS miễn giảm: 6 HS

- Trích lại nhà trường:  $15\% = 82.500\text{đ}/\text{HS}/\text{tháng} * 506 \text{ HS} = 41.745.000$  đồng (100%)

## 2. Phần chi

TT	Nội dung	Số tiền
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%:</b>	<b>834.900đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %</b>	<b>40.910.100đ</b>
I	Chi cho CBQL, GVCN, nhân viên tham gia chương trình ( theo phân công nhiệm vụ) = 50 % ( phần 98%)	20.455.050đ
1	Chi GVCN = 15.000đ/HS x 506 HS;	7.590.000đ
2	GVTA: 300.000đ/th	300.000đ
3	CBQL gồm ( HT, PHT, KT, TQ)	12.565.050đ
II	Chi cho bổ sung cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ, điện, nước... = 20 %	8.182.020đ
III	Chi thực hiện chuyên môn ( chi khen thưởng học sinh có thành tích học tập, hoạt động ngoại khóa, tổ chức giao lưu học sinh giao lưu, in ấn đề, VPP.... = 30 %	12.273.030đ
	<b>Tổng cộng (A + B)</b>	<b>41.745.000đ</b>

## B. Chương trình Tiếng Anh liên kết thường gồm (Dream Sky + Bình Minh) 50% GVNN

### 1. Phần thu

\* Tiếng Anh Dream Sky Khối 1,2: 150.000đ/HS/tháng

- Số HS tham gia lớp 1A5+1A6 +2A4+2A5: 155 HS, số hs miễn giảm: 7HS

\* Tiếng Anh Bình Minh Khối 3,4,5: 170.000đ/HS/tháng

- Số HS tham gia lớp 3A4 + 3A5 +4A4+4A5 và khối 5: 348 HS, số HS có HCKK miễn giảm: 6 HS, số HS con GV: 3 HS .

Tổng số HS tham gia 2 chương trình: 503 học sinh - 16 HS = 487 HS

- Dream sky: Trích 20% = 30.000.đ/HS/th\* 148 HS = 4.440.000 đồng

- Bình Minh: Trích 20% = 34.000.đ/HS/th\* 342 HS = 11.628.000 đồng

=> Tổng số tiền trích lại: 16.068.000đ (100%) (tùy thuộc số hs tham gia)

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%:</b>	<b>321.360đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %</b>	<b>15.746.640đ</b>
I	Chi cho CBQL, GVCN, nhân viên tham gia chương trình (theo phân công nhiệm vụ) = 50 % (phần 98%)	7.873.320đ
1	Chi GVCN = 8.000đ/HS x 487 HS;	3.896.000đ
2	GVTA: 200.000đ/th	200.000đ
3	CBQL gồm (HT, PHT, KT, TQ)	3.777.320đ
II	Chi cho bổ sung cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ, điện, nước... = 20 %	3.149.328đ
III	Chi thực hiện chuyên môn (chi khen thưởng học sinh có thành tích học tập, hoạt động ngoại khóa, tổ chức giao lưu học sinh giao lưu, in ấn đề, VPP.... = 30 %	4.723.992đ
	<b>Tổng cộng (A + B)</b>	<b>16.068.000đ</b>

### **C. Chương trình Tiếng Anh Toán 100% GVVN (số tiền 100.000đ/HS/th)**

#### **1. Phần thu**

- Sĩ số học sinh dự kiến tham gia khối 1,2: 437 HS

- Tổng số HS tham gia chương trình Tiếng Anh Toán: 437 HS, số HSHCKK miễn giảm: 5HS, 01 con GV,

Trích lại nhà trường 15% = 15.000.đ/HS/tháng \* 430 HS = 6.450.000đ (100%)

#### **2. Phần chi: Chi theo đề án liên kết**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%:</b>	<b>129.000đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %</b>	<b>6.321.000đ</b>
I	Chi cho CBQL, GVCN, nhân viên tham gia chương trình (theo phân công nhiệm vụ) = 73 % (phần 98%)	4.614.330đ
1	Chi GVCN = 5.000đ/HS x 430 HS;	2.150.000đ
2	GVTA: 100.000đ/th	100.000đ
3	CBQL gồm (HT, PHT, KT, TQ)	2.364.330đ

II	Chi cho bổ sung cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ, điện, nước... = 20 %	1.264.200đ
III	Chi thực hiện chuyên môn (chi khen thưởng học sinh có thành tích học tập, hoạt động ngoại khóa, tổ chức giao lưu học sinh giao lưu, in ấn đề, VPP.... = 7 %	442.470đ

### **III. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu trong phạm vi nguồn thu Ứng dụng truyền thông Enet Viet**

Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và CMHS

#### **1. Phần thu**

- Sĩ số học sinh dự kiến tham gia: 1015 HS, số hs miễn giảm hộ KK: 13HS, con GV: 7HS

- Tổng số HS tham gia chương trình: 1015 HS – 20HS = 995 HS

Số tiền thu được = 25.000đ/hs/tháng x 995 HS = 24.875.000đ

#### **2. Phần chi:** chi theo HĐ liên kết

Trích lại nhà trường 30 % = 7.500.đ/hs/tháng \* 995 HS = 7.462.500đ  
(100%)

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
<b>A</b>	<b>Nộp Thuế 2%: 150đ/hs x 995hs</b>	<b>149.250đ</b>
<b>B</b>	<b>Còn lại 98 %: 7.350đ/hs x 995hs</b>	<b>7.313.250đ</b>
1	Chi GVCN trực tiếp = 5.000đ/HS x 995 HS;	4.975.000đ
2	Chi công tác quản lý và điều hành gồm ( HT, PHT, KT, TQ, GVTH)	2.338.250đ

### **IV. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu trong phạm vi nguồn dịch vụ điểm danh nhân diện khuôn mặt**

Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và CMHS

1. Mức thu: 70.000đ/HS/năm

Dự kiến số HS tham gia: 1000 HS x 70.000đ/hs/ năm = 70.000.000đ

2. Mức chi: 100% nộp trả đơn vị cung cấp phần mềm

### **V. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu trong phạm vi nguồn thu chênh lệch điện học sinh sử dụng điều hòa.**

Thu theo tự nguyện và thỏa thuận giữa nhà trường và CMHS; Thu trên cơ sở căn cứ theo thực tế sử dụng (có ghi số trên công tơ sử dụng điện riêng mỗi lớp)

a. Mức thu: Trên cơ sở căn cứ theo thực tế (số điện công tơ riêng thực tế sử dụng của từng lớp chốt vào ngày cuối kỳ \* đơn giá điện)/ chia theo sĩ số học sinh. Số học sinh/ lớp = Số tiền PHHS đóng góp.

Mức thu: Thu = Chi

b. Mức chi: Nộp 100% tổng số thu cho bên công ty điện lực theo số điện các lớp thực tế sử dụng.

**VI. Chế độ chi tiêu tài chính, tiêu chuẩn định mức và chế độ chi tiêu trong phạm vi nguồn thu quỹ CMHS: không thu quỹ CMHS trường**

### **CHƯƠNG V: CÔNG KHAI DÂN CHỦ HOÁ TRONG NHÀ TRƯỜNG**

Bản quy chế này được CBGVNV của nhà trường thảo luận, 100% nhất trí thông qua tại hội nghị viên chức, người lao động ngày 05/10/2024. Căn cứ trên nguồn quỹ thực tế để thực hiện các nội dung trong quy chế

**Kế toán**

**CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Miên**

**Ngô Thị Hiền**

**Hoàng Thị Bích Liên**